

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2026/DS-ST
Ngày: 14/07/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lập.

Bà Đặng Thị Lệ .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly- Kiểm sát viên.

Vào các ngày 15 tháng 06 và ngày 14 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 -Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2026/QĐXX-DS ngày 28 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Điền A, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Phúc T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Thị Bích T1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Cao Thị Yến D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Điền A trình bày: Anh A là chủ cửa hàng V. Anh T

có đến cửa hàng mua cát, đá, xi măng và sắt để xây dựng bờ kè cho chị Cao Thị Yến D. Vợ anh A là chị Huỳnh Thị Bích T1 có viết hóa đơn bán hàng cho anh T từng lần, thời điểm đầu anh T trả tiền đầy đủ, từ hóa đơn ngày 23/9/2025 đến ngày 03/10/2025 anh T không trả tiền nên còn nợ số tiền 28.839.000đ. Ngày 02/12/2025 chị T1 có đến nhà chị Yến D gặp anh T đòi tiền thì anh T viết tờ cam kết hẹn trong 15 ngày sẽ trả số tiền 18.839.000đ, phần còn lại khi xong công trình sẽ trả, nay công trình đã hoàn thành nhưng anh T vẫn không trả tiền. Anh A có đơn khởi kiện yêu cầu anh T trả anh A số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 28.839.000 đồng.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Phúc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/6/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị Yến D trình bày: Chị D có thuê anh Huỳnh Phúc T xây dựng bờ kè, vật liệu xây dựng do anh T mua của cửa hàng V. Hình thức thuê khoán làm tới đâu trả tiền đến đó. Chị D có ký tên làm chứng vào giấy ghi ngày 02/12/2025, phần còn lại theo nội dung biên nhận là số tiền bao nhiêu thì chị D không biết. Khi anh T viết biên nhận này thì công trình chưa làm xong nên vợ anh A là chị T1 gặp chị D kêu chị D không trả tiền cho anh T mà số tiền đó trả vợ chồng anh A, chị D có nói khi công trình làm xong có thể sẽ thiếu anh T khoảng mười mấy triệu thì chị D sẽ trả cho anh T, khi đó sẽ báo cho vợ chồng anh A biết để gặp anh T nhận tiền. Công trình chưa xong thì anh T cũng bỏ công trình dở dang không làm tiếp, chị D phải tự mua vật tư xây dựng tiếp công trình, nay công trình đã làm xong, chị D không nợ tiền anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bích T1 là vợ của anh Nguyễn Điền A đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 28.839.000đ. Chứng cứ là tờ cam kết do anh T viết ngày 02/12/2025.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 đến 98, Điều 108, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 74, Điều 280, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 6,

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Điền A. Buộc anh Huỳnh Phúc T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Điền A số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 28.839.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Huỳnh Phúc T phải chịu 1.441.950 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến và không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo thủ tục chung, anh T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại các Điều 91, 96, 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T1 và chị D vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Anh A là chủ cửa hàng V có bán vật liệu xây dựng cho anh T bao gồm cát, đá, xi măng và sắt để anh T xây dựng bờ kè cho chị Cao Thị Yến D, các lần giao vật liệu xây dựng thì chị T1 có ghi hóa đơn, thời gian mua bán từ ngày 22/9/2025 đến ngày 03/10/2025, tổng cộng là 12 hóa đơn, các hóa đơn từ 01 đến 09 thì anh T trả tiền đầy đủ, đến hóa đơn thứ 10, 11 và 12 thì nợ lại tổng số tiền là 28.839.000đ. Ngày 02/12/2025 chị T1 có đến gặp anh T tại nhà chị D thì anh T có viết tờ cam kết ngày 02/12/2025 có nội dung: *“Tôi cam kết 15 ngày sẽ thanh toán cho bên chủ cửa hàng V số tiền 18.839.000đ. Tôi Huỳnh Phúc T, SN 1989 V, V, T, Vĩnh Long. Tôi cam kết đúng ngày sẽ thanh toán phần còn lại, chị chủ nhà sẽ thanh toán khi xong công trình cho bên cửa hàng vật liệu xây dựng T, phần còn lại chị chủ nhà thanh toán khi xong công trình nếu thiếu tôi Huỳnh Phúc T sẽ bù vào”*. Tờ cam kết có chữ ký tên của anh Huỳnh Phúc T, chữ ký tên của người chứng kiến là chị Cao Thị Yến D.

[4] Qua thu thập chứng cứ chị D thừa nhận là có ký tên làm chứng tại tờ cam kết trả nợ vào ngày 02/12/2025, chị D trình bày khi nào tất toán xong công trình mà chị D phải trả tiền anh T thì sẽ cho chị T1 biết để đến gặp anh T nhận tiền anh T trả, chứ chị D không liên quan đến số tiền còn lại mà anh T ghi trong tờ cam kết. Anh T

không cung cấp chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là từ bỏ quyền lợi. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử theo thủ tục chung, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, buộc anh T có nghĩa vụ trả anh A số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 28.839.000 đồng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí sơ thẩm là 28.839.000 đồng x 5 % = 1.442.000 đồng. Anh A không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Điền A. Buộc anh Huỳnh Phúc T có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Điền A số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 28.839.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh Huỳnh Phúc T phải nộp án phí sơ thẩm là 1.442.000 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Anh Nguyễn Điền A không phải nộp án phí sơ thẩm; Hoàn trả anh Nguyễn Điền A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 721.000 đồng (bảy trăm hai mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011850 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72

của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung